

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2799 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 16 hộ gia đình, cá nhân do GPMB dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (Đợt 10).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 876/TTr-STNMT ngày 21/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 16 hộ gia đình, cá nhân do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là **11.032.577.000 đồng** (Mười một tỷ, không trăm ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 10.746.252.000 đồng;
- Thương đẩy nhanh tiến độ GPMB: 70.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 216.325.000 đồng;

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 MỚI
PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 10)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB			Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hộ đề nghị thu hồi phân còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT
			Số thửa	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà, chuyển đổi nghề nghiệp	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB			
I	Đất có GCNQSD đất				1.827,7		194,5	0,0	194,5	109,9	47,3	37,3	3.172.051.000	727.285.000	51.000.000	26.000.000	775.067.572	9.946.750	4.761.350.322
1	Đặng Thị Kim Liên	14 Đảo Tấn, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	112	77	211,1	ODT+BHK	27,2		27,2	27,2			924.800.000	16.000.000	5.000.000	186.320.167	1.470.000	1.133.590.167	
2	Đặng Thị Kim Hoa	10 Đảo Tấn, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	102	77	545,5	ODT+BHK	89,5		89,5	49,0	40,5		1.666.000.000	703.485.000	16.000.000	5.000.000	328.605.110	5.218.500	2.724.308.610
3	Trần Thị Mộng Nga	29 Đảo Tấn, Khu vực 2, phường Nhơn Bình	96	78	73,7	ODT	16,0		16,0	16,0			483.200.000		16.000.000	5.000.000	146.477.728		650.677.728
4	Tò Thị Huệ	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	57	64	269,4	ODT+BHK	48,7		48,7	11,4		37,3	51.435.000		1.500.000	5.000.000	35.716.538	1.934.250	95.585.788
5	Lê Hữu Chí	290 Hùng Vương	169	79	322,8	ODT+BHK							0			1.000.000	8.399.440	662.000	10.061.440
6	Nguyễn Đò, vợ Tô Thị Rày	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	50	2	405,2	ODT	13,1		13,1	6,3	6,8		46.616.000	23.800.000	1.500.000	5.000.000	69.548.589	662.000	147.126.589
	Đất chưa được cấp GCNQSD đất				1.347,2		663,7	0,0	663,7	326,9	45,1	291,7	3.379.866.000	67.650.000	92.500.000	43.000.000	2.411.741.554	35.823.250	6.030.580.804
7	Đặng Văn Vinh	Khu vực 1, phường Nhơn Bình	170	79	118,7	ODT+BHK	4,8		4,8	4,8			168.000.000		1.500.000	5.000.000	92.668.170		267.168.170
8	Phạm Thị Ngọc Diệp, chồng Hồ Hoàng Trọng	Khu vực 1, phường Nhơn Bình	171	79	164,4	ODT+BHK	7,6		7,6	7,6			266.000.000		2.500.000	7.000.000	308.250.116	1.050.000	584.800.116
9	Nguyễn Sĩ Hiệp, vợ Nguyễn Thị Đông Nhi và hộ bà Nguyễn Thị Kiều Minh	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	194	77	13,5	ODT+BHK	13,5		13,5	60,7			607.000.000	27.000.000	5.000.000	279.399.556	100.000		918.499.556
			107	77	47,2		47,2	47,2											
10	Lê Văn Năm	18 Đảo Tấn, phường Nhơn Bình	113	77	90,9	ODT	29,0		29,0	26,1		2,9	788.220.000		16.000.000	6.000.000	484.856.732		1.295.076.732

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB			Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m ²)	Diện tích hộ đề nghị thu hồi phần còn lại (m ²)	Tổng diện tích thu hồi được bồi thường (m ²)	Trong đó			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT
			Số thửa	Tờ bản đồ địa chính số	Tổng DT thửa đất (m ²)					Đất ở (m ²)	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	DT không bồi thường (m ²)		Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà, chuyển đổi nghề nghiệp	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB			
11	Nguyễn Trần Tuấn, vợ Phạm Thị Lệ Thủy	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	19	69	188,3	LUK	188,3		188,3			188,3			500.000	5.000.000	101.085.483	14.532.500	121.117.983
12	Phạm Ngọc Đệ, vợ Nguyễn Thị Hào	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	23	3	270,3	ODT+BHK	270,3		270,3	199,9	45,1	25,3	596.926.000	67.650.000	27.500.000	5.000.000	912.570.611	11.111.000	1.620.757.611
13	Nguyễn Mèo, vợ Nguyễn Thị Hồng Diệp	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	28	3	297,7	ODT	95,5		95,5	20,3		75,2	691.220.000		16.000.000	5.000.000	168.348.726	7.516.750	888.085.476
14	Ông Nguyễn Mạnh Khiêm, ông Nguyễn Mạnh Tùng, ông Nguyễn Mạnh Phát	Khu vực 1, phường Nhơn Bình	183	79	83,8	ODT+BHK	5,8		7,5	7,5			262.500.000		1.500.000	5.000.000	64.562.160	1.513.000	335.075.160
			184	79	72,4	ODT+BHK	1,7												
II	Đất UBND phường quản lý				565,3		423,2		423,2			423,2	0	0	0	1.000.000	7.983.988	15.336.500	24.320.488
15	Ngô Xuân Thọ	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	78	77	320,2	BHK	320,2		320,2			320,2				1.000.000	7.983.988	14.873.000	23.856.988
16	Trần Văn Thiên	Khu vực 3, phường Nhơn Bình	21	63	245,1	LUC	103,0		103,0			103,0						463.500	463.500
A. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					3.740,2		1.281,4	0,0	1.281,40	436,86	92,40	752,14	6.551.917.000	794.935.000	143.500.000	70.000.000	3.194.793.113	61.106.500	10.816.252.000
B. Chi phí GPMB: (A) x 2%																			216.325.000
C. Tổng cộng: (A) + (B)																			11.032.577.000